

Số: /BC-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 UBND huyện Tuy Phước về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Phước Sơn tại Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 09/12/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Sơn, UBND huyện Tuy Phước báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Sơn, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 15/12/2022 đến 09/01/2022.

## **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ của xã Phước Sơn bao gồm:

- Tờ trình của UBND xã về việc việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Phước Sơn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã;
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;
- Hình ảnh về kết quả xây dựng nông thôn mới.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Thực hiện Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 của UBND huyện Tuy Phước; UBND xã Phước Sơn đã xây dựng Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí về nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã trong năm 2022 và đã được sự đồng tình hưởng ứng cao của nhân dân, tạo thành khí thế hưởng ứng thi đua của các thôn trên địa bàn nhằm phát động sâu rộng đến các ngành, các cấp, toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới.

**3. Xã Phước Sơn:** Đã được UBND tỉnh Bình Định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2016 tại Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 08/11/2016.

## **4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí về xã nông thôn mới trong năm 2022 đối với xã Phước Sơn**

Căn cứ kết quả rà soát, thẩm tra của các ngành của huyện: trong năm 2022 xã Phước Sơn đã đạt 19/19 tiêu chí về xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định được UBND tỉnh Bình Định ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022.

## **5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 đối với xã Phước Sơn**

### **5.1. Tiêu chí 1 - Quy hoạch:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn và thường xuyên rà soát điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch;

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã có quy hoạch chung xây dựng NTM theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Sơn; Quyết định số 7921/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Sơn; Quyết định số 7145/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Sơn; Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Sơn; Quyết định số 8651/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Sơn.

Quyết định 1840/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Sơn; Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Sơn.

- Có quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới. UBND xã đã thông báo tại Thông báo số 68/TB-UBND ngày 15/3/2013 về việc công khai Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xã nông thôn mới; Thông báo số 128/TB-UBND ngày 19/9/2013 về việc công khai Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xã nông thôn mới.

- Khu trung tâm xã có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã gồm như sau: Quyết định số 3834/QĐ-UB ngày 08/11/2000 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng Cụm kinh tế kỹ thuật Kỳ Sơn, xã Phước Sơn; Quyết định số 4615/QĐ-UB ngày 11/12/2001 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Chợ - Khu dân cư và 2 tuyến đường Trung tâm xã; Quyết định số 431/QĐ-CTUBND ngày 21/03/2012 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh và mở rộng Quy hoạch trung tâm xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.

Có thông báo số 17<sup>A</sup>/TB-UBND ngày 13/4/2012 về việc công khai thiết kế Điều chỉnh và mở rộng Quy hoạch trung tâm xã Phước Sơn.

Để phù hợp với sự phát triển trên địa bàn của xã, cơ quan chức năng có các quy hoạch điều chỉnh như sau: Quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt đồ án chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Quy hoạch Nghĩa trang nhân dân xã Phước Sơn và thông báo số 118/TB-UBND ngày 29/12/2017 về việc công khai đồ án chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Quy hoạch Nghĩa trang nhân dân xã Phước Sơn, ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân; Quyết định số 7493/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt đồ án chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và dịch vụ thương mại thôn Dương Thiện; Quyết định số 5454/QĐ-

UBND ngày 10/08/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt đồ án chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư xã Phước Sơn; Quyết định số 8217/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt đồ án chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng Khu dân cư Trung tâm xã Phước Sơn. Hiện nay các cơ quan chức năng đang rà soát để quy hoạch và phê duyệt Phước Sơn là đô thị loại V. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị Phước Sơn, huyện Tuy Phước; UBND huyện ban hành Quyết định số 7245/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đồ án: Quy hoạch chung đô thị Phước Sơn, huyện Tuy Phước; Quyết định số 8253/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi phí lập đề án đề nghị công nhận xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước là đô thị loại V; Quyết định số 8326/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập đề án đề nghị công nhận xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước là đô thị loại V.

Kinh phí đã thực hiện: 373,047 triệu đồng

***c. Đánh giá Tiêu chí 1 - Quy hoạch: Đạt theo yêu cầu.***

## **5.2. Tiêu chí 2 - Giao thông:**

### ***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%);

- Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%);

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%, trong đó, 70% được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa);

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện (chỉ tiêu  $\geq 70\%$  được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa).

### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Đường xã có chiều dài 16,577 km: Xây dựng với nền đường 6,5m và mặt BTXM 5,5m đạt đường cấp VI (16,577 km/16,577 km) đạt tỷ lệ 100%, (trong đó, mặt đường được nhựa hóa 14,545 km và bê tông hóa 2,032 km), được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh . . .) theo quy định.

- Đường thôn và đường liên thôn có chiều dài 25,794km: Đã BTXM đạt đường loại B & C (25,794 km/25,794 km) tỷ lệ 100% (trong đó nhựa hóa 1,692km), được bảo trì hàng năm, có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh . . .) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Đường ngõ, xóm có chiều dài 60,062km: Đã BTXM đạt đường loại B, C & D (60,062 km/60,062 km) tỷ lệ 100%, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp

- Đường trục chính nội đồng có chiều dài 6,705km: Đã BTXM đạt đường loại B & C (6,705 km/6,705 km) tỷ lệ 100%, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

Kinh phí đã thực hiện: 67.619,873 triệu đồng

**c. Đánh giá Tiêu chí 2 - Giao thông: Đạt theo yêu cầu.**

**5.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 5\%$
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Phước Sơn là: **1.256,08ha**, trong đó: Diện tích được tưới và tiêu nước chủ động là **1.176,39ha**, đạt **93,56%** (Đạt).

*Bảng xác định diện tích đất sản xuất NN của xã được tưới, tiêu chủ động:*

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới, tiêu chủ động (ha)
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>		
-	Lúa đông xuân	1.192,94	1.113,25
-	Lúa hè thu	1.192,94	1.113,25
-	Nuôi trồng thủy sản	63,14	63,14
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.256,08</b>	<b>1.176,39</b>
	<b>T<sub>tưới, tiêu</sub> (%)</b>	<b>(1.176,39/1.256,08)*100= 93,65%.</b>	

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.1: (Đạt)**

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:

a) Xã Phước Sơn có 02 HTX Nông nghiệp Phước Sơn 1 và Phước Sơn 2 đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi, như:

- HTX được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký thành lập HTX); tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND cấp xã nơi thành lập).

- 02 HTX Nông nghiệp Phước Sơn có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận.

- Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định.

b) Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt **97 điểm**, thông qua các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 1: Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: (30 điểm)
- Chỉ tiêu 2: Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi: (30 điểm)
- Chỉ tiêu 3: Quản lý tài chính: (20 điểm)
- Chỉ tiêu 4: Thực hiện đa dịch vụ: (7 điểm)
- Chỉ tiêu 5: Mức độ hài lòng của thành viên: (10 điểm)

*Bảng điểm số các chỉ tiêu đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững của tổ chức thủy lợi cơ sở (TLCS): của 02 HTX NN Phước Sơn, như sau:*

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Xác định điểm số
1	Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	30	30
1.1	Lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	10	a) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nội đồng trong công trình thủy lợi do các tổ chức khai thác thủy lợi cấp huyện, cấp tỉnh quản lý: - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước theo mùa, vụ hoặc theo năm; ký Hợp đồng với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; thông báo lịch cấp, tưới, tiêu và thoát nước cho người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: 5 điểm. b) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nhỏ độc lập: - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, thông báo lịch cấp, tưới, tiêu, thoát nước cho người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi: 5 điểm.
1.2	Tỉ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động (T)	20	$T \geq 90\%$ : 20 điểm.
2	Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	30	30
2.1	Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	5	- Có lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình hàng năm: 5 điểm.
2.2	Thực hiện kế hoạch bảo	20	- Xã thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công

	dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi		trình thủy lợi trên địa bàn: Đạt từ 70% theo kế hoạch: 20 điểm.
2.3	Lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình	5	- Có lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình; không để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 5 điểm.
3	Quản lý tài chính	20	20
3.1	Lập kế hoạch tài chính	5	- Có lập kế hoạch tài chính, trong đó có kế hoạch thu-chi hàng năm cho dịch vụ thủy lợi thông qua hội nghị thường niên: 5 điểm.
3.2	Thực hiện kế hoạch tài chính đối với dịch vụ thủy lợi	10	Khả năng chủ động tài chính (TC) đối với dịch vụ thủy lợi được xác định như sau: - Nguồn thu của tổ chức TLCS bao gồm: kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của nhà nước. - Chi phí theo kế hoạch bao gồm chi trả tiền sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định, chi các hoạt động quản lý, vận hành, bảo dưỡng, xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. TC $\geq$ 1: 10 điểm.
3.3	Thực hiện quyết toán, công khai tài chính theo quy định	5	- Có thực hiện: 5 điểm.
4	Thực hiện đa dịch vụ	10	7
4.1	Phát triển các sản phẩm dịch vụ khác	7	- Có thực hiện các sản phẩm dịch vụ khác như: Cấp nước nông thôn, điện... hoặc tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ: 7 điểm.
4.2	Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý công trình thủy lợi	3	- Có ứng dụng một trong các công nghệ trong xây dựng; biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước; sử dụng một số thiết bị thông minh để theo dõi, giám sát hoặc điều khiển vận hành công trình thủy lợi...: 0 điểm.
5	Mức độ hài lòng của thành viên	10	Có (Phiếu đánh giá mức độ hài lòng của thành viên: 10 điểm.
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>97</b>

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.2: (Đạt)**

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq$ 5%:

UBND xã Phước Sơn: Cây trồng chủ lực là cây lúa, tổng diện tích lúa là 1.192,94 ha, trong đó: tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiết kiệm nước: với hình thức tưới ướt khô xen kẽ (nông lộ phơi) 190ha/1.192,94 ha chiếm tỷ lệ 15,92%  $\geq$ 5% đạt theo yêu cầu.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.3: (Đạt)**

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt):

Xã Phước Sơn: Tổng số kênh chính trên địa bàn xã quản lý 19,14km đã kiên cố hóa kênh mương bằng bê tông xi măng. Bên cạnh đó hệ thống thủy lợi nội đồng với chiều dài 158km. Hàng năm đều được HTX phát dọn nạo vét bảo trì. Như vậy, 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.4: (Đạt)**

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

Xã Phước Sơn: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã do HTX NN Phước Sơn 1 và HTX NN Phước Sơn 2 quản lý. HTX NN đã thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND xã nên không có trường hợp vi phạm xả thải vào công trình thủy lợi.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.5: (Đạt)**

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt).

**\* Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:**

- **Về tổ chức bộ máy:** Hàng năm, Xã có thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn & Phòng thủ dân sự cấp xã và đã được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định; cụ thể trong năm 2022 đã được kiện toàn tại Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 09/9/2022; đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trong đó có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT-TKCN & PTDS cấp xã.

**- Về nguồn nhân lực:**

+ Hàng năm xã đều cử 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

+ Hàng năm xã đã thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định tại Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 12/9/2022.

+ Hàng năm xã đã cử Đội xung kích tham dự tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ do Ban Chỉ huy Quân sự huyện tổ chức.

+ Hàng năm xã thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền cho người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.

**\* Về hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh:**

- **Về Kế hoạch phòng, chống thiên tai:** Trong năm 2021 UBND xã đã ký ban hành Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 09/10/2021 về việc Ban hành Kế hoạch Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã và được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định; đồng thời xã đã rà soát, xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.

- **Về Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai:** UBND xã ban hành Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 về việc Ban hành Phương án Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2022, trong đó: Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.



**- Về thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt:**

+ Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã có 80% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

**\* Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

- Về Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng:

+ Xã đã triển khai thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; điểm dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều.

+ Trên địa bàn xã 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

- Về Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai:

+ Trên địa bàn xã có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

+ Trên địa bàn xã 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

- Về thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai: trên địa bàn xã không có xảy ra các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

Biểu đánh giá, chấm điểm (về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ): của Xã Phước Sơn.

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Yêu cầu	Thang tính điểm	
				Có	Điểm đánh giá
<b>Tổng điểm</b>				<b>100</b>	<b>100</b>
I	Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực			35	35
1	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã được thành lập (có Quyết định).	Có	3	3
		b) Được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định (có		2	2

		Quyết định)			
		c) Có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã (có Quyết định).	Có	2	2
		d) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương (có Quyết định phân công).		3	3
2	Nguồn nhân lực	a) Có 100% số cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	7
		b) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định (có Quyết định).	Có	4	4
		c) Đội xung kích được tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	4
		d) Có từ 70% trở lên số người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.		7	7
II	Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh			40	40
1	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	a) Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt. (có Kế hoạch)	Có	5	5
		b) Được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định.		3	3
		c) Có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.	Có	5	5
2	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.	Có	6	6
3	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt	a) Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		b) Có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		c) Có 70% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
III	Về cơ sở hạ tầng thiết yếu			25	25
1	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; diêm dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều		3	3

		(nếu có)			
		b) 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.		3	3
2	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.		7	7
		b) 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.	Có	7	7
3	Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai	Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.		5	5

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.6: (Đạt)**

**c. Đánh giá Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai: Đạt theo yêu cầu.**

**5.4. Tiêu chí 4 - Điện:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hệ thống điện đạt chuẩn;
- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (chỉ tiêu 100%).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Trên địa bàn xã có 01 Trạm 110kV; có 28 trạm biến áp với dung lượng 5.800 kVA trong đó của ngành điện 22 Trạm với dung lượng 4020 kVA và của khách hàng 6 Trạm với dung lượng 1.780 kVA; đường dây cáp bọc vện xoắn 0,4 dài 50.129 km; đường dây trung thế 22kV dài 18,934 trong đó tài sản ngành điện 17,955km tài sản của khách hàng 0,979 km; cáp ngầm trung thế 0,25 km. Toàn xã có 6.617 hộ được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Đạt tỷ lệ 100%.

**c. Đánh giá Tiêu chí 4 - Điện: Đạt theo yêu cầu.**

**5.5. Tiêu chí 5 - Giáo dục:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: (chỉ tiêu 100%).

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: (chỉ tiêu Đạt).

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: (chỉ tiêu đạt mức độ 3).

- Đạt chuẩn xóa mù chữ (chỉ tiêu đạt mức độ 2).

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: (chỉ tiêu Khá).

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: (chỉ tiêu Đạt).

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Trên địa bàn xã có 01 trường Mầm non, 03 trường Tiểu học và 02 trường THCS: Đến nay có 6/6 trường đạt tiêu chuẩn Quốc gia. (Trong đó 04 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và 02 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2).

+ Trường Mầm non xã - Chuẩn Quốc gia mức độ 1

(Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 09.03.2017 của UBND tỉnh Bình Định)

+ Trường Tiểu học số 1 - Chuẩn Quốc gia mức **độ 2**

(Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 03.02.2023 của UBND tỉnh Bình Định)

+ Trường Tiểu học số 2 - Chuẩn Quốc gia mức **độ 2**

(Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 07.01.2020 của UBND tỉnh Bình Định)

+ Trường Tiểu học số 3 - Chuẩn Quốc gia mức độ 1

(Quyết định số: 1619 ngày 13.5.2015 của UBND tỉnh Bình Định)

+ Trường THCS số 1 - Chuẩn Quốc gia mức độ 1

(Quyết định số 5063/QĐ-UBND ngày 30.12.2016 của UBND tỉnh Bình Định)

+ Trường THCS số 2 - Chuẩn Quốc gia mức độ 1

(Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 19.01.2018 của UBND tỉnh Bình Định)

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được duy trì 1 cách thường xuyên đánh giá đạt theo quy định.

- Công tác duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đánh giá xã đạt mức độ 3.

- Công tác xóa mù chữ đánh giá xã đạt mức độ 2.

- Trong năm 2022 Trung tâm học tập cộng đồng phối kết hợp cùng các ban ngành, hội đoàn thể của xã, các trường học... tổ chức 25 lớp học/4.011 người được đào tạo nghề, tập huấn, hoạt động của trung tâm đem lại nhiều hiệu quả... Qua kiểm tra, đánh giá năm 2022 Trung tâm học tập cộng đồng xã Phước Sơn được UBND huyện Tuy Phước xếp loại tốt (95/100 điểm).

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Hiện có 2 hồ bơi, 3 sân bóng đá, 13 sân bóng chuyên, 100% trường học xây dựng Kế hoạch “Mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền” với các Mô hình Câu lạc bộ: Tiếng anh, bơi lội, bóng đá, bóng

chuyên, điền kinh, cờ vua, võ cổ truyền, cờ tướng, bóng bàn, nhảy hiện đại... Qua triển khai thực hiện Mô hình Câu lạc bộ đã giúp cho các em có sân chơi bổ ích, nâng cao thể lực, kỹ năng, sức bền, nhiều cá nhân, tập thể học sinh đạt giải cao: Em Nguyễn Phạm Đình Đạt (HS Trường TH số 3) đạt giải nhất nội dung 60m, giải điền kinh học sinh huyện năm 2022-2023; Em Hồ Mai Danh (HS Trường TH số 1) đạt giải nhất nội dung bậc xa nam, giải điền kinh học sinh huyện năm 2021-2022; Em Nguyễn Thị Thu Thủy (HS Trường TH số 1) đạt giải nhất nội dung điền kinh 60m, giải điền kinh học sinh huyện năm 2021-2022. Giải ba Toàn đoàn Võ cổ truyền, Giải nhất nội dung điền kinh khối THCS; Giải Ba toàn đoàn khối Tiểu học, Giải nhất Toàn đoàn Hội khỏe Phù Đổng huyện năm 2020-2021...

Đã đề nghị huyện hỗ trợ kinh phí xây 3 nhà tập luyện đa năng; Trường Tiểu học số 3, Trường THCS số 1 và Trường THCS số 2.

Sau khi về đích NTM năm 2016 đến nay, nguồn ngân sách xã đã đầu tư xây dựng lĩnh vực Giáo dục với 17 danh mục, công trình hơn 13.000,000 triệu đồng (*Có hồ sơ minh chứng kèm theo*).

### ***c. Đánh giá Tiêu chí 5 - Giáo dục: Đạt theo yêu cầu.***

#### **5.6. Tiêu chí 6 - Văn hóa:**

##### ***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: chỉ tiêu Đạt.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: chỉ tiêu Đạt.

- Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: chỉ tiêu Đạt.

##### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Trung tâm văn hóa – thể thao xã và Nhà văn hóa – khu thể thao của các thôn được đầu tư xây dựng khang trang, trồng hoa, cây xanh, đảm bảo diện tích hoạt động, có sân bóng chuyên, khu thể thao, được trang bị âm thanh, Tivi, bàn ghế đảm bảo tổ chức hội, họp...

- Lắp đặt 70 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; Trung tâm văn hóa – thể thao xã; Công viên văn hóa – thể thao trung tâm xã; Công viên văn hóa – thể thao Vinh Quang 1 và Nhà văn hóa – khu thể thao các thôn: Kỳ Sơn, Lộc Trung, Mỹ Trung, Mỹ Cang, Xuân Phương, Lộc Thượng, Dương Thiện. Câu lạc bộ bài chòi của xã, trường TH số 1 Phước Sơn, thôn Mỹ Cang, thôn Vinh Quang 2 thường xuyên duy trì tập luyện và biểu diễn phục vụ vào dịp lễ, tết, các ngày hội địa phương và tham gia tất cả các Hội thi Bài chòi do huyện tổ chức, đạt nhiều giải cao.

- Phòng đọc Thư viện 30m<sup>2</sup> khang trang, sạch đẹp, kệ sách 5 tầng 500 đầu sách, có 1 máy vi tính nối mạng, bàn đọc 8 ghế ngồi.

- Hiện có 2 di tích cấp tỉnh: Vụ thăm sát Vinh Quang năm 1965; mộ Cụ tú Nguyễn Diêu được tu tảo bảo vệ tổ chức thăm viếng thường xuyên. Có kế hoạch chăm sóc di tích cấp tỉnh: Vụ thăm sát Vinh Quang năm 1965.

- Có 10/10 thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa; duy trì và phát triển các hoạt động văn hóa, văn hóa truyền thống trên địa bàn xã; thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao; có 100% cơ quan, đơn vị, trường học được công nhận và giữ vững “cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa”.

- Xã đã qui hoạch 14.235m<sup>2</sup> mở rộng diện tích Nhà văn hóa – Khu thể thao các thôn, 100 băng ngồi (05 chỗ ngồi/băng) cho các thôn, đồng thời trang bị 09 Chòi phục vụ hò, hát Bài chòi; tiếp tục lắp đặt dụng cụ tập luyện thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng, khu vực đông dân cư...

- Sau khi về đích NTM năm 2016 đến nay, từ nguồn ngân sách của xã đã đầu tư xây dựng 11 danh mục, công trình văn hóa – thể thao hơn 17.289,771 triệu đồng (*Có hồ sơ minh chứng kèm theo*).

***c. Đánh giá Tiêu chí 6 - Văn hóa: Đạt theo yêu cầu.***

### **5.7. Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: chỉ tiêu Đạt.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã có 03 chợ với tổng diện tích 10.527,1 m<sup>2</sup> (Chợ Phước Sơn: 9.221,2m<sup>2</sup> + Chợ Đình : 919,6 m<sup>2</sup> + Chợ Gò Thị: 386,3 m<sup>2</sup> ). Trong đó, Chợ Phước Sơn được xây dựng với diện tích: 7.170m<sup>2</sup> gồm 03 nhà lồng, 17 kiot; Chợ Đình - Vinh Quang 2 với diện tích 200 m<sup>2</sup>; Chợ Gò Thị - Xuân Phương với diện tích 185 m<sup>2</sup>. Các chợ phục vụ tốt, đáp ứng nhu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm, nơi mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân.

- UBND xã đã tập trung đầu tư xây dựng chợ Phước Sơn theo đúng hướng dẫn của Bộ Công thương tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 cụ thể như sau:

+ Có mặt bằng phù hợp với quy mô hoạt động chợ; bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ tối thiểu tại chợ;

+ Có bảng hiệu thể hiện tên chợ;

+ Nhà chợ chính được nâng cấp tu bổ;

+Nền chợ được bê tông hóa;

+ Có bãi để xe ngoài trời phù hợp với lưu lượng người vào chợ, bố trí đảm bảo trật tự, an toàn cho khách.

+ Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Có đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo thông thoáng, hợp vệ sinh.

- Trong các chợ đều có bố trí thùng đựng rác, có điểm tập kết rác trong khuôn viên chợ, được BQL NS&VSMT huyện Tuy Phước thu gom theo lịch qui định thu gom 02 lần/tuần.

- Có Hợp đồng số: PD 20PH22F010000005 ngày 17/5/2022 về bảo hiểm cháy nổ mở rộng và các rủi ro đặc biệt để phòng cháy chữa cháy tại chợ .

- Về điều hành quản lý chợ:

+ Quyết định 2386/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Phước Sơn về việc kiện toàn Ban quản lý chợ.

+ Quyết định 2387/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Phước Sơn về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý chợ. Ban quản lý chợ Phước Sơn gồm 6 đồng chí trong đó 01 đồng chí trưởng ban, 01 đồng chí phó ban và 4 đồng chí là thành viên. Có quy chế làm việc của Ban quản lý chợ.

+ Có xây dựng nội quy do UBND xã quy định.

+ Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Kinh phí đã thực hiện: 5.046,272 triệu đồng

***c. Đánh giá: Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt theo yêu cầu.***

### **5.8. Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông:**

#### ***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: chỉ tiêu Đạt.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: Chỉ tiêu Đạt  $\geq 80\%$ .

- Có dịch vụ báo chí truyền thông: Chỉ tiêu Đạt.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới: chỉ tiêu Đạt.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...): Chỉ tiêu Đạt.

#### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã có 01 Bưu điện với diện tích xây dựng 135,2 m<sup>2</sup> hoạt động có hiệu quả đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: Qua các buổi họp thôn, tuyên truyền, vận động của đoàn viên, của thôn đã rà soát và cài đặt các ứng dụng mua hàng qua mạng, VSSID, app thanh niên, cài đặt dịch vụ công cho người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt kết quả 13.181/14.168 người đạt tỷ lệ 93,03%.

- Có dịch vụ báo chí truyền thông đánh giá đạt.
- + Thiết bị truyền thanh xã máy phát FM sử dụng tốt.
- + Thiết bị hệ thống loa đến các thôn trên địa bàn xã hiện có 35 cụm, 59 loa.
  - Phụng Sơn: 5 cụm có 9 loa
  - Kỳ Sơn: 4 cụm có 5 loa
  - Lộc Trung: 2 cụm có 4 loa
  - Vinh Quang 1: 3 cụm có 4 loa
  - Vinh Quang 2: 4 cụm có 6 loa
  - Mỹ Trung: 3 cụm có 6 loa
  - Mỹ Cang: 2 cụm có 3 loa
  - Xuân Phương: 5 cụm có 8 loa
  - Lộc Thượng: 5 cụm có 10 loa
  - Dương Thiện: 2 cụm có 4 loa
- + 01 Điểm bưu chính viễn thông khu vực trung tâm xã.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. Qua rà soát 10 thôn trên địa bàn xã có 6.617/6617 hộ gia đình có sử dụng các phương thức truyền hình (số mặt đất, truyền hình qua mạng internet, cáp, truyền hình vệ tinh) đạt tỷ lệ 100%. Có 11.639/14.168 người dân trong độ tuổi lao động sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt tỷ lệ 82,15%.

- Các điểm công cộng như: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Khu vực Một cửa của xã, Trung tâm học tập cộng đồng... được lắp đặt mạng wifi miễn phí.

***c. Đánh giá: Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông: Đạt theo yêu cầu.***

#### **5.9. Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  $\geq 85\%$ .

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

Toàn xã có 6.617 hộ có nhà ở trong đó có 5.735 hộ có nhà kiên cố đảm bảo 3 cứng; 881 hộ có nhà bán kiên cố. Qua rà soát có 6.616/6.617 nhà đạt theo Văn bản số 2307/BXD-QHKT của Bộ Xây dựng hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 chiếm tỷ lệ 99,98%.

***c. Đánh giá: Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư: Đạt theo yêu cầu.***

#### **5.10. Tiêu chí 10 – Thu nhập:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Thu nhập bình quân đầu người năm 2022:  $\geq 52$  (triệu đồng/người)

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***



Tổng thu nhập của xã đạt: 1.191.822,58 triệu đồng.

Số nhân khẩu thực tế thường trú của xã: 22.731 người.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022: 52,43 triệu đồng/người/năm.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 10 – Thu nhập: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.11. Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo công bố của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội. (<3%).

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Qua rà soát tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 là 1,59%; Tỷ lệ hộ cận nghèo 1,36%; Tỷ lệ nghèo đa chiều: 1,59% + 1,36% = 2,95%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.12. Tiêu chí 12 – Lao động:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 80\%$ .
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 30\%$ .
- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực trên địa bàn  $\geq 19\%$ .

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Qua kết quả điều tra, khảo sát số lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của xã Phước Quang:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 11.469/14.168 chiếm tỷ lệ 80,95%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 4.379/14.168 chiếm tỷ lệ 30,91%.
- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực: 2.865/14.168 đạt tỷ lệ 20,16% (lao động nông, ngư nghiệp và thủy sản).

**c. Đánh giá: Tiêu chí 12 – Lao động: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.13. Tiêu chí 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$ .
- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  $\geq 1$ .

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$ .

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Khuyến khích.

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 10\%$ .

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Khuyến khích.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Chỉ tiêu Đạt.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Chỉ tiêu Đạt.

### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã có 02 Hợp tác xã nông nghiệp: Phước Sơn 1, Phước Sơn 2, tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành – HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012. HTX có dịch vụ đầu vào là buôn bán vật tư nông nghiệp và liên kết sản xuất giống tiêu thụ sản phẩm cho thành viên với Công ty giống cây trồng Quảng Ngãi và Công ty TNHH Nông Việt Phát, Công ty giống cây trồng Bình Định. HTX kinh doanh các dịch vụ như: Dịch vụ Thủy lợi, Vật tư nông nghiệp, liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống, Tín dụng nội bộ. 02 HTX được đánh giá, xếp loại (theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã) cụ thể: HTX NN Phước Sơn 1 xếp loại tốt; HTX NN Phước Sơn 2 xếp loại khá.

Có quy mô thành viên đủ lớn: HTX đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012: Không quy định số lượng thành viên.

Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong 3 năm liền trước – 02 HTX có dịch vụ Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với Công ty giống cây trồng Quảng Ngãi và Công ty TNHH Nông Việt Phát, Công ty giống cây trồng Bình Định.

- Xã có sản phẩm “yến sào Năm Công” đã được UBND tỉnh công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh hạng 03 sao.

- Xã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất, áp dụng phương thức "ba giảm, ba tăng", "một phải, năm giảm" với phương thức thâm canh lúa cải tiến SRI. Trong sản xuất làm đất, thu hoạch đều áp dụng cơ giới hóa 100%. Hiện nay trên địa bàn xã có trên 100 chiếc máy cày bừa, hơn 70 máy gặt đập liên hợp và có hơn 25 máy cuốn rơm, 01 nhà máy sấy lúa với công suất 40 tấn/mẻ sấy.

- Hợp tác xã đã có “Website (HTX NN Phước Sơn 1)” HTX tiến hành quảng bá bán lúa giống hàng vụ.

- Trên địa bàn xã có 03 sản phẩm chủ lực là Lúa, Yến sào và Bánh tráng Lava. Trong đó có 01 sản phẩm Lúa được bán qua kênh thương mại điện tử của htxnnphucoson1.com, đạt 33,33%.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch Côn chim thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội trên trang fanpage DulichPhuocSon hoạt động ngày càng hiệu quả, đã quảng bá hình ảnh các cảnh quan đẹp, di tích lịch sử, các điểm du lịch trên địa bàn xã nhất là Khu sinh thái Côn Chim... thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh đến tham quan, du lịch tại địa phương ngày càng đông.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường). Thực hiện Quyết định số 5026/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Dự án Cánh đồng lớn sản xuất lúa tại xã Phước Sơn với quy mô 100ha có 539 hộ tham gia. Tất cả các hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất lá giống đều được cung ứng giống, hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Sản phẩm sau thu hoạch đạt tiêu chuẩn sẽ được các công ty thu mua với giá cao hơn giá thóc thối tại thời điểm từ 1.400-1.600đ/kg, năng suất bình quân đạt 80tạ/ha. Trong quá trình sản xuất có các lớp tập huấn để nâng cao nhận thức cho nông dân về tầm quan trọng phải áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, áp dụng “ba giảm ba tăng”... để đạt hiệu quả kinh tế cao. Đặc biệt, với phương thức thâm canh lúa cải tiến SRI sản xuất mang tính bền vững và tính vượt trội về năng suất, giảm chi phí, giảm khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính, tăng giá trị sản phẩm, tăng thu nhập hộ thành viên.

***c. Đánh giá: 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt theo yêu cầu.***

#### **5.14. Tiêu chí 14 – Y tế:**

##### ***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) được đảm bảo  $\geq 95\%$ .

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ .

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử  $\geq 70\%$ .

##### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Đến cuối tháng 10 năm 2022, tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn dân trên địa bàn xã đạt  $\geq 95\%$ .

- Trạm Y tế xã đang sử dụng phần mềm quản lý sức khỏe, trong đó mỗi người dân trên địa bàn được cấp một tài khoản trong hồ sơ quản lý phần mềm, hiện nay 100% người dân quản lý sức khỏe.

- Người dân tham gia và sử dụng UD KCB từ xa 9.565/22.556, tỷ lệ 42,2%.

- Đã cài đặt sổ khám chữa bệnh điện tử cho người dân toàn xã chiếm tỷ lệ 79,39 %.

***c. Đánh giá: Tiêu chí 14 – Y tế: Đạt theo yêu cầu.***

#### **5.15. Tiêu chí 15 – Hành chính công:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Chỉ tiêu đạt.

- Có dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) trở lên: Chỉ tiêu đạt.

- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Chỉ tiêu đạt.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

+ Có bố trí máy scan tại Bộ phận Một cửa để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: 01 máy.

+ 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được bố trí máy tính để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: 04/04 máy tính, đạt 100%.

+ 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được cấp chữ ký số cá nhân: 04/04 công chức, đạt 100%.

+ Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt tối thiểu 5%/Tổng số hồ sơ chứng thực (năm 2021: 01/396 trường hợp, đạt 0,25%; năm 2022: 387/915, đạt 42%).

+ Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ: thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

Có dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) trở lên

+ Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) và dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt từ 50% trở lên trên tổng số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ, năm 2022: 14/16 trường hợp, đạt 88%.

+ Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến một phần và giải quyết trực tuyến toàn trình đạt từ 50% trở lên trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến (theo Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông), năm 2022: 919/1.549 trường hợp, đạt 59,336%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến thủ tục hành chính được cung cấp dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán; năm 2022: 1.378/2.892 trường hợp, đạt 47,65%.

Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

+ Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá

nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính: 163/163 trường hợp, đạt 100%.

+ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ: 163/163 trường hợp, đạt 100%.

+ Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo: 3.524/3.667 trường hợp, đạt 96,10%.

+ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên: 84,8 điểm (Xếp loại tốt).

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ: 18/18 điểm, đạt 100%.

***c. Đánh giá: Tiêu chí 15 – Hành chính công: Đạt theo yêu cầu.***

### **5.16. Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật:**

#### ***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Chỉ tiêu  $\geq 1$ .

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: Chỉ tiêu  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Chỉ tiêu  $\geq 90\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Xã đã xây dựng 02 mô hình tuyên truyền pháp luật và mô hình hòa giải gồm mô hình "Xóm bình Yên gia đình hòa thuận" và mô hình "Ba tốt - ba sẵn sàng". Đến nay đã đi vào hoạt động có hiệu quả. Đã phối hợp Mặt trận và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền pháp luật trên địa bàn các thôn trong toàn xã bằng các hình thức như tuyên truyền miệng, hình thức sân khấu, tiểu phẩm lồng ghép được Nhân dân đồng tình hưởng ứng tham gia. *(Có báo cáo và hồ sơ minh chứng kèm theo)*

Mô hình tổ hòa giải "Ba tốt - ba sẵn sàng" đã hoạt động có hiệu quả, chất lượng hòa giải của tổ hòa giải của từng thành viên tổ hòa giải đã được nâng cao tỷ lệ hòa giải thành trong năm đạt 100% số vụ hòa giải

- Đến nay các tổ hòa giải đã hòa giải thành 06/06 vụ đạt tỷ lệ 100%. *(Có hồ sơ minh chứng kèm theo)*

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý, tiếp cận và trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu. Trong thời gian qua các đối tượng được trợ giúp pháp lý, chưa có yêu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương. Tuy nhiên có một số người dân trong xã đến tại bộ phận chi nhánh trợ giúp pháp lý số 01 tỉnh Bình Định yêu cầu trợ giúp pháp lý và đã được chi nhánh trung tâm trợ giúp pháp lý số 1 Tuy Phước - Vân Canh trợ giúp trợ giúp 100% số vụ việc có nhu cầu. *(Có xác nhận kèm theo)*

**c. Đánh giá: Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật: Đạt theo yêu cầu.**

**5.17. Tiêu chí 17 – Môi trường:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Chỉ tiêu đạt.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo quy định: Tỷ lệ đạt  $\geq 85\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp và hiệu quả: Tỷ lệ đạt  $\geq 40\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Tỷ lệ đạt  $\geq 50\%$ .

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: Tỷ lệ đạt  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt  $\geq 90\%$ .

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy định: Chi tiêu đạt.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Tỷ lệ  $\geq 5\%$ .

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Tỷ lệ đạt  $\geq 4m^2/\text{người}$ .

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Tỷ lệ đạt  $\geq 70\%$

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động có phát sinh chất thải trên địa bàn xã là 76 cơ sở. Trong đó: 17 cơ sở thuộc đối tượng đăng ký môi trường (*có giấy xác nhận môi trường kèm theo*), còn lại 59 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ như: Tạp hóa, bán buôn lúa, xay sát gạo... (*có bảng ký cam kết môi trường kèm theo*). Nhìn chung các cơ sở nêu trong quá hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ đã thực hiện tốt các biện pháp BVMT nên trong thời gian qua không có phát sinh, khiếu nại về môi trường đối với các cơ sở dịch vụ kinh doanh.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo quy định.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt):

\* Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Tổng số hộ tham gia ký hợp đồng cũ và đăng ký mới là 5.736/6.617 hộ chiếm 86,69 đạt. Trong đó có 796 hộ ký hợp đồng trực tiếp với Ban Quản lý nước sạch VSMT huyện, còn lại 4.940 hộ ký hợp đồng với UBND xã, tần suất thu gom 03 lần/tuần. Khối lượng rác thải phát sinh trên địa bàn xã thực tế bình quân là: 450 tấn/tháng.

Năm 2015, thực hiện Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND huyện Tuy Phước về việc ban hành Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại công đồng dân cư khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. UBND xã Phước Sơn đã xây dựng và triển khai Đề án thu gom chất thải sinh hoạt tại Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 26/4/2016.

Đến nay, có tổng số 5.736 hộ trên địa bàn xã tham gia thực hiện. UBND xã hợp đồng với hộ để Ban quản lý nước sạch và vệ sinh môi trường huyện vận

chuyên, thu gom, xử lý chất thải rắn với tần suất 3 lần/ tuần (HĐ số: 197/HĐVC&XLRT/2022 là 2.427 hộ với giá 16.000đ, và 206/HĐVC&XLRT/2022 theo bảng giá quy định tại QĐ 55/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022.)

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng đề án thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và có sự điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp phát sinh hàng năm trên địa bàn xã và thành lập 43 tổ, đội thu gom trên địa bàn xã, để vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các đường xóm ra điểm tập kết bằng các xe đẩy rác cầm tay đến các trục tuyến đường chính để BQL nước sạch và vệ sinh môi trường huyện thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Kinh phí thực hiện công tác vệ sinh môi trường trong năm 2022 trên địa bàn xã

Tổng thu là 1.039.561.000 đồng: Thu phí vệ sinh rác thải sinh hoạt của các hộ dân (hàng năm UBND xã giao cho các uỷ nhiệm thu ở thôn, thực hiện thu phí vệ sinh rác thải sinh hoạt và có trách nhiệm tổng hợp nộp cho UBND xã,) với tổng số tiền thực thu của hộ năm 2022 là 794.561.000đ. UBND huyện hỗ trợ Công tác Môi trường tại Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 và Quyết định số 8563/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 là 245.000.000 đồng

Tổng chi là 1.343.556.000 đồng:

+ Chi trích 10% số tiền thu cho người trực tiếp thu tiền rác trong dân: 79.45.000 đồng.

+ Chi hỗ trợ người trực tiếp tham gia thu gom rác từ ngõ xóm đến bãi tập kết rác: 198.700.000 đồng.

+ Chi xử lý rác thải phát sinh tại các điểm công cộng: 7.5000.000 đồng.

+ Chi sửa chữa, mua xe, thùng đựng rác: 180.000.000 đồng.

+ Chi xử lý rác thải phát sinh tại các điểm công cộng: 7.5000.000 đồng.

+ Chi khác phục vụ thu gom xử lý rác thải: 10.629.000 đồng.

+ Chi nộp: 866.832.000 đồng.

(Có QĐ, KH, danh sách, HĐ, chứng từ, báo cáo thu chi kèm theo)

Giải pháp: UBND xã đã và đang thực hiện tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiếp tục tham gia thực hiện địa bàn thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đồng thời thực hiện theo Thông báo số 08/TB-BQLNS ngày 15/02/2023 của Ban quản lý NS&VSMT huyện nâng tăng suất thu gom lên thành 03 lần tuần.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp và hiệu quả.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Tỷ lệ hộ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt được hộ gia đình thu gom qua hệ thống hầm rút bể tự hoại hoặc bể tự hoại có cải tiến. Toàn xã có 6.556 hộ đã thu gom xử lý qua hệ thống hầm rút bể tự hoại hoặc bể tự hoại có cải tiến vách ngăn, bình quân là đạt tỷ lệ 99.1% (có danh sách kèm theo).

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã bình quân là  $22.297 \times 80 \text{ lit/người/ngày} = 1.783.760 \text{ lit/ngày}$ . Trong đó: 6.556 hộ đã thu gom xử lý qua hệ thống hầm rút bể tự hoại hoặc bể tự hoại có cải tiến vách ngăn, bình quân



là  $6.556 \times (22.297/6.617) \times 80 = 1.767.497/\text{ngày}$  chiếm tỷ lệ 99.1% (có danh sách kèm theo).

\* Giải pháp: UBND xã phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, hội đoàn thể ở địa phương, đài truyền thanh xã tuyên truyền vận động 61 hộ còn lại, phấn đấu năm 2023 nâng tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt được hộ gia đình thu gom qua hệ thống hầm rút bể tự hoại, bãi lọc cây xanh... đạt 100% tổng số hộ dân trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Tổng số hộ dân tham gia thực hiện phân loại chất thải tại nguồn 3.288 hộ/5.736 hộ đăng ký tham gia, đạt 52.32%. Cụ thể như sau:

+ Đợt 1 (Ngày 20/8/2020): Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác phân loại chất thải tại Nhà văn hóa 08 thôn: Phụng Sơn, Kỳ Sơn, Lộc Trung, Vinh Quang1, Vinh Quang2, Mỹ Trung, Mỹ Cang và Xuân Phương, cho 900 hộ gia đình là hội đoàn viên và nhân dân trên địa bàn xã tham gia.

+ Đợt 2 (Ngày 15/10/2021): Tổ chức Hội nghị tập huấn tại nhà văn hóa Phụng Sơn, Kỳ Sơn và Xuân Phương, được 200 hộ gia đình đăng ký tham gia.

Tại Hội nghị, các tuyên truyền viên đã truyền đạt đến từng người dân cách phân loại rác tại hộ gia đình ra làm 3 loại: Chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ có thể tái chế và chất thải rắn sinh hoạt khác (Theo hướng dẫn số 2061/STNMT-CCBVM ngày 04/8/2022 của Sở tài nguyên và Môi trường). Nhân dân tham dự Hội nghị được Ban tổ chức phát tờ rơi màu có hình ảnh hướng dẫn, bản cam kết phân loại rác thải tại nguồn và nhận 02 xô để phân loại rác vô cơ và hữu cơ. Đồng thời, UBND xã đã tiến hành tuyên truyền với nhiều hình thức khác như: Viết bài tuyên truyền phát sóng trên ĐTT, tuyên truyền bằng trực quan (mỗi thôn có 02 bảng Panô hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn) phát tờ rơi bằng hình màu có in hướng dẫn chi tiết về cách phân loại và bản cam kết tự phân loại rác thải tại nhà cho 3.288 hộ để tự phân loại.

+ Đối với chất thải hữu cơ dễ phân hủy như: rau, củ, quả, trái cây hỏng, thức ăn thừa... Hướng dẫn người dân tái sử dụng làm thức ăn trong chăn nuôi hoặc ủ làm phân hữu cơ vi sinh sử dụng trong trồng trọt.

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế như: Chất thải nhựa phát sinh được thu gom là 18.600/18.600kg đạt 100% trong đó giấy báo, bìa, thùng carton, nhôm, sắt, vỏ bia....

Cụ thể như sau: Đã tuyên truyền, phát tờ rơi, hướng dẫn công tác phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa và cả bao bì nhựa sau khi sử dụng trên 443 hộ/6617 hộ. Trong quá trình thực hiện, đề nghị bán cho các nhà thu mua phế liệu hoặc ủng hộ cho Hội liên hiệp Phụ nữ xã thực hiện theo kế hoạch số 39/KH-BTV ngày 25/6/2022, về việc thành lập xây dựng mô hình “Phụ nữ với phong trào chống rác thải nhựa”. Tính đến 31/12/2022, Hội đã vận động thu gom rác tái chế ước tính từ ngày 25/6/2022 (ngày thành lập Mô hình) đến 31/12/2022 được 47kg nhựa (5.000đ/kg), 125 kg giấy các loại (2.000đ/kg) và 1.231 vỏ lon bia, nước ngọt

các loại (200 đồng/lon) Tổng số tiền bán được là 731.000đ để phục vụ sinh hoạt Mô hình “Phụ nữ với phong trào chống rác thải nhựa” tại chi hội Phụ nữ thôn Mỹ Trung (có xác giấy của cơ sở thu mua kèm theo).

+ Đối với chất thải sinh hoạt còn lại: không chứa thành phần nguy hại thì hộ gia đình sử dụng các thiết bị lưu chứa đã có và đưa ra các điểm tập kết để thu gom, xử lý theo quy định để đưa đi xử lý.

Riêng đối với chất thải hữu cơ dễ phân hủy: Tổ tuyên truyền, vận động lồng ghép vào nội dung hướng dẫn ủ chất thải hữu cơ làm phân vi sinh, đã có 40 hộ đăng ký tham gia thực hiện như sau:

+ Đối với các hộ có vườn rộng người dân vừa sử dụng làm thức ăn trong chăn nuôi, và thực hiện mô hình “Ủ phân hữu cơ tại hộ gia đình ở thôn Kỳ Sơn và Xuân Phương mỗi thôn 20 hộ: Xây dựng hầm ủ, men vi sinh ủ phân làm phân bón cho cây trồng tại vườn nhà”. UBND xã hỗ trợ kinh phí xây dựng hầm ủ, men vi sinh ủ phân, và hướng dẫn quy trình ủ chất thải hữu cơ để làm phân vi sinh (có danh sách hộ kèm theo).

+ Đối với các hộ còn lại không có vườn rộng, không có nhu cầu sử dụng lại, thì được thu gom đựng vào các vật dụng có sẵn tại nhà, hàng ngày các hộ chăn nuôi quy mô lớn đến vận chuyển về làm thức ăn cho gia súc.

\* Giải pháp: UBND xã tiếp tục xây dựng kế hoạch duy trì công tác phân loại chất thải tại nguồn. Phối hợp với các hội đoàn thể xã, Ban nhân dân thôn và Đài truyền thanh xã tuyên truyền tăng cường kiểm tra thường xuyên và liên tục, hướng dẫn nhân dân thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để đạt hiệu quả cao; xây dựng các tin, bài tuyên truyền liên tục trên sóng ĐTT để người dân kịp thời nắm bắt các thông tin, hướng dẫn việc thực hiện phân loại rác đúng quy định và đạt hiệu quả. Đồng thời, xây dựng mô hình “Điểm tập kết rác hữu cơ”, ngâm ủ thành phân hữu cơ sạch phục vụ lại cho nông nghiệp, hạn chế số lượng rác hữu cơ thải ra môi trường, phấn đấu năm 2023 nâng tỷ lệ số hộ dân tham gia thực hiện phân loại chất thải tại nguồn lên đạt 60% tổng số hộ dân trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Đối với chất thải rắn nguy hại trong sinh hoạt cộng đồng dân cư trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định UBND xã hợp đồng với công ty Hậu Sanh thu gom tại kho chứa. Đối với vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng, UBND xã hợp đồng với công ty Hậu Sanh thu gom tại kho chứa. Cụ thể như sau:

\* Đối với chất thải nguy hại trong sinh hoạt và tổ chức sau sử dụng: UBND xã đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh để thực hiện thu gom, và xử lý chất thải nguy hại theo quy định. (HĐ số 214; và 215/2022/HĐKT-BĐ ngày 28/11/2022)

Bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, hộp mực in, bao bì hóa chất, thuốc BVTV,...). Hiện tại, tại địa phương được phân loại, thu gom riêng; hình thức thu gom, và xử lý như đối với bao bì thuốc BVTV.

Năm 2022: Thực hiện thu gom xử lý 15 kg rác thải rắn nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang thải 3,0 kg; Pin thải 2,0 kg; giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại 6,0 kg và bao bì cứng thải nguy hại 4,0 kg

\* Đối với bao bì, chai lọ, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Diện tích đất trồng lúa sản xuất 2 vụ lúa/năm là 1.196,15 ha.

UBND xã đã bố trí đặt 400 bể chứa vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng trên các cánh đồng và dọc các tuyến kênh mương trên địa bàn xã để tập trung thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng. UBND xã đã xây dựng 01 địa điểm tập trung (*nhà lưu chứa*) rác thải vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng tại địa điểm Gò Đông thôn Phụng Sơn, với diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>.

Đặc điểm nhà lưu chứa:

+ Có gắn bảng ghi Nhà Lưu chứa (bao bì, chai lọ thuốc BVTC, Chất thải nguy hại).

+ Trong nhà Lưu chứa có 02 ngăn riêng biệt: 01 ngăn bao bì, chai lọ thuốc BVTC và 01 ngăn Chất thải nguy hại).

Thực hiện theo kế hoạch sản xuất nông nghiệp hàng năm, sau khi kết thúc mùa vụ, 02 HTX nông nghiệp chỉ đạo các thủy nông viên thực hiện thu gom, vận chuyển bao bì thuốc bảo vệ thực vật từ bể chứa đến điểm tập kết nhà kho chứa Gò Đông. Đồng thời ký Hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh để thực hiện thu gom, và xử lý đúng theo quy định.

Định kỳ theo mùa vụ, hoặc theo quý, UBND xã đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh để thực hiện thu gom, và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Năm 2022: Thực hiện thu gom xử lý 65 kg rác thải rắn nguy hại là vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng. Trong đó bao bì mềm 30,0 kg; bao bì cứng thải 25,0 kg và hóa chất thải 10,0 kg (*Có hợp đồng, chứng từ, kèm theo*)

\* Giải pháp: UBND xã tăng cường chỉ đạo trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, hội đoàn thể ở địa phương về tuyên truyền, hướng dẫn người dân nhận biết chất thải nguy hại trong sinh hoạt hộ gia đình; Tiếp tục xây dựng Kế hoạch duy trì công tác thu gom, xử lý chất thải nguy hại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và trong sinh hoạt hộ gia đình, tổ chức và bao gói thuốc bảo vệ thực vật năm 2023 và tập kết về nhà kho lưu chứa và hợp đồng đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; Kế hoạch kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã; xử lý nghiêm các trường hợp không thu gom xử lý chất thải nguy hại và hướng dẫn khắc phục, thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý và vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt):

Đối với phụ phẩm nông nghiệp: Chủ yếu là rơm rạ

Các phụ phẩm nông nghiệp như: Rơm, rạ,... hầu hết các hộ dân đều tận thu, để sử dụng lại phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, chất đốt, thức ăn gia súc, sản xuất nấm,...

Hạn chế việc đốt rơm, rạ ngoài đồng ruộng hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng, cản trở giao thông.

Đối với rác thải nông nghiệp: Rơm rạ sau khi thu hoạch được thu gom bằng máy cuộn rơm và phục vụ cho các hoạt động sản xuất khác: Trồng nấm, thức ăn trong chăn nuôi, trồng rau... Toàn xã có 58 máy cuộn rơm. Khối lượng 4.150.69 tấn

Cách tính: 1 sào 500 m<sup>2</sup> cuộn được 14 cuộn 1 cuộn nặng bình quân 13 kg/cuộn.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Trên địa bàn xã có 852/852 hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 100%. Cụ thể: 108 hộ xây lắp hệ thống hầm biogas phù hợp với quy mô chăn nuôi; 38 hộ sử dụng chế phẩm sinh học (men sinh học trộn vào thức ăn, nước uống nhằm giảm mùi hôi thối trong phân và nước tiểu, nước thải sau khi vệ sinh được chứa trong hầm rút. Ngoài ra hộ còn sử dụng đệm lót sinh học (chủ yếu ở gà) để giảm khí độc, giảm ô nhiễm môi trường. Các hộ còn tận dụng chất thải (đã ủ) trong trồng trọt hoặc để bán (chủ yếu phân gà) cho các đơn vị thu mua tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng, tránh tình trạng đổ thải bừa bãi ra môi trường. Các hộ có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; có bản kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi và Thông tư số [23/2019/TT-BNNPTNT](#) ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuồng trại được thiết kế thông thoáng, có rèm che xung quanh để những ngày nắng nóng hoặc giảm lạnh vào mùa đông. Mái chuồng được lợp mái ngói hoặc tôn; mái hiên cách mặt đất 2m. Nền chuồng: Có độ dốc 1-2% để tránh đọng nước. Chuồng nuôi tách biệt với nơi ở của chủ hộ chăn nuôi và được vệ sinh thường xuyên, khử trùng tiêu độc theo định kỳ.

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy định.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Trên địa bàn xã có nghĩa trang theo quy hoạch và được đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn toàn xã.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 16/02/2022 về tuyên truyền nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng. Đã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, vận động thiết phục những hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã có người thân là người cao tuổi, người bệnh hiểm nghèo tham gia sử dụng hình thức hỏa táng tự nguyện.

Trong năm 2022, toàn xã có 98 người chết trong đó có 05 người thực hiện theo hình thức hỏa táng: 5/98 người đạt tỷ lệ 5,1%.

\* Giải pháp: Trong thời gian tiếp đến xã vận động, duy trì thường xuyên việc triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 16/02/2022. Đối với những trường hợp còn lại và cả những trường hợp chưa thống nhất ký cam kết, và lồng ghép vào sinh hoạt Chi bộ thôn, sinh hoạt Hội người cao tuổi, Hội câu lạc bộ người cao tuổi... trên địa bàn xã ký cam kết thực hiện.

- Đát cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Tổng diện tích cây xanh trên địa bàn xã là 467.800 m<sup>2</sup>/22.297 dân đạt 20,1m<sup>2</sup>/người trong đó:

Công viên cây xanh thôn phụng Sơn Diện tích 1000 m<sup>2</sup>,

Công viên cây xanh thôn Vinh Quang1 Diện tích 2000m<sup>2</sup>,

Khuôn viên Cây Xanh của các tổ chức, Trường học:

HTXNN1 Diện tích 600 m<sup>2</sup>;

HTXNN2 800 m<sup>2</sup>;

Trường Nguyễn Diêu 700m<sup>2</sup>;

Trường THCS số 1 Phước Sơn 1500m<sup>2</sup>;

Trường THCS số 2 Phước Sơn 1100m<sup>2</sup>;

Các trường Tiểu học tổng diện tích 4000m<sup>2</sup>

Khu Sinh Thái Cồn Chim khoảng 46 ha

Thực hiện quy hoạch khu dân cư hàng năm đều được bố trí quỹ đất công cộng để sử dụng vào mục đích trồng cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường sinh thái trên địa bàn xã. UBND xã thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình Trồng mới cây xanh phân tán giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Chất thải nhựa phát sinh được thu gom là 18.600/18.600kg đạt 100% trong đó giấy báo, bì, thùng carton, nhôm, sắt, vỏ bia....

Cụ thể như sau: Đã tuyên truyền, phát tờ rơi, hướng dẫn công tác phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa và cả bao bì nhựa sau khi sử dụng trên 443 hộ/6617 hộ. Trong quá trình thực hiện, đề nghị bán cho các nhà thu mua phế liệu hoặc ủng hộ cho Hội liên hiệp Phụ nữ xã thực hiện theo kế hoạch số 39/KH-BTV ngày 25/6/2022, về việc thành lập xây dựng mô hình “Phụ nữ với phong trào chống rác thải nhựa”.

Tính đến 31/12/2022, Hội đã vận động thu gom rác tái chế ước tính từ ngày 25/6/2022 (ngày thành lập mô hình) đến 31/12/2022 được 47 kg nhựa (5.000đ/kg), 125 kg giấy các loại (2.000đ/kg) và 1.231 vỏ lon bia, nước ngọt các loại (200

đồng/lon) Tổng số tiền bán được là 731.000đ để phục vụ sinh hoạt Mô hình “Phụ nữ với phong trào chống rác thải nhựa” tại chi hội Phụ nữ thôn Mỹ Trung (có xác giấy của cơ sở thu mua kèm theo).

\* Giải pháp: Tiếp tục tuyên truyền, phát tờ rơi, hướng dẫn công tác phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa và cả bao bì nhựa sau khi sử dụng, đối với toàn hộ dân trên địa bàn xã. Đồng thời, lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các cuộc họp xóm, thôn...và tuyên truyền trực quan, trực tiếp viết bài thông qua trên đài truyền thanh xã. Tiếp tục triển khai nhân rộng Mô hình “Phụ nữ với phong trào chống rác thải nhựa” trên toàn địa bàn xã, trong Quý I/2023.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 17 – Môi trường: Đạt theo yêu cầu.**

**5.18. Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Tỷ lệ đạt  $\geq 50\%$ .

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: Đạt  $\geq 60$  lít.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Tỷ lệ đạt  $\geq 30\%$ .

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: Tỷ lệ đạt 100%.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Không

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: Tỷ lệ đạt  $\geq 95\%$ .

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo về sinh môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Kết quả điều tra, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2022 trên địa bàn xã Phước Sơn; cụ thể: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt theo quy chuẩn: đạt tỷ lệ 100%, trong đó: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: 6.556/6.617hộ, đạt tỷ lệ: 99,1%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: đạt tỷ lệ 0,9%.

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ( $\geq 60$  lít)

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Trên địa bàn xã Phước Sơn có công trình cấp nước sạch tập trung nhà máy nước Phước Sơn đã được UBND huyện đầu tư sửa

chữa, nâng cấp và mở mạng đường ống cung cấp nước sạch cho nhân dân sử dụng đảm bảo cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm:  $\geq 60$  lít.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ( $\geq 30\%$ ).

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Trên địa bàn xã Phước Sơn có công trình cấp nước sạch tập trung nhà máy nước Phước Sơn đã được nhà nước đầu tư sửa chữa, nâng cấp và giao cho Đơn vị quản lý là Ban quản lý nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm (100%).

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Tổng số cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã là 64/64 cơ sở được tập huấn về an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Trong năm 2022, không có cơ sở thực phẩm nào bị xử phạt vi phạm hành chính và không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm ( $\geq 100\%$ ).

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Trên địa bàn xã có 04/04 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch ( $\geq 95\%$ ).

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch: Đã thực hiện xây dựng nhà tiêu khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường, không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu là 6.556 hộ/6.617 hộ, đạt 99,1%.

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (100%).

Kết quả thực hiện tiêu chí (Đạt): Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp rác thải tập trung.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.19. Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân: Chỉ tiêu đạt.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Chỉ tiêu đạt.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***\* Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân***

*Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương*

a) Hàng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) và căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Hàng năm căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên Đảng ủy, UBND xã đã ban hành văn bản lãnh đạo về nhiệm vụ quốc phòng quân sự của địa phương như:

- Nghị quyết số 48-NQ/ĐU, ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Đảng ủy xã Phước Sơn về Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2022;

- Kế hoạch số: 47/KH-UBND ngày 29/12/2021 về việc tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ Quốc phòng, quân sự năm 2022.

- Kế hoạch số: 01/KH-BCH ngày 24/02/2022 Kế hoạch huấn luyện chiến đấu dân quân năm 2022.

***b) Ủy ban nhân dân chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã:***

Xây dựng Kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025 và từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt như:

- Kế hoạch số 24 KH/UBND ngày 04/10/2021 của UBND xã Phước Sơn về việc xây dựng Kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025.

- Hàng năm trên cơ sở nguồn kinh phí của trên Ban CHQS xã đã Xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Điều chỉnh, bổ sung các văn kiện sẵn sàng chiến đấu kịp thời, đầy đủ.



+ Căn cứ Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Đã phối hợp cùng Công an, kiểm lâm phụ trách địa bàn ban hành như:

- Quy chế số 02/QCPH-QS-CA-KLĐB ngày 01/4/2022 về việc Phối hợp giữa Ban CHQS xã với Công an xã, Kiểm lâm địa bàn trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP.

- Kế hoạch số 03/KHPH-QS-CA-KLĐB ngày 25/4/2022 về việc hoạt động phối hợp của Ban CHQS xã Phước Sơn với Công an xã Phước Sơn và Kiểm lâm địa bàn huyện Tuy Phước năm 2022 (đã được UBND xã Phê duyệt).

- Phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 01/QCPHLN-CA-QS-BP ngày 20/9/2020 về việc phối hợp giữa Công an xã, Ban CHQS xã và đội công tác Biên phòng xã Phước Sơn trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH và nhiệm vụ quốc phòng Nghị định số 03/2019 NĐ-CP và đã trình UBND xã ra Quyết định 320/QĐ-UBND ngày 20/9/2020 phê duyệt Quy chế. Hàng năm được kiện toàn kế hoạch phối hợp theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định đạt hiệu quả bảo đảm ANCT-TTATXH.; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP ban hành quy chế phối hợp.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

*Ban chỉ huy quân sự xã*

a) Có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần: Đảm bảo theo quy định

b) Số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng: Số lượng 01:

*(Quy định tại Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020, Chính phủ quy định chi tiết một số số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách với dân quân tự vệ.*

c) Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng:

- Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng đã được đào tạo trung cấp, Cao đẳng ngành quân sự cơ sở và được đào tạo lớp Trung cấp chính trị.

- Hàng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TTBQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

d) Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng: có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

Đã bảo đảm nhà làm việc riêng cho Ban chỉ huy quân sự xã; trang thiết bị bảo đảm theo Hướng dẫn số 116/HD-DQ ngày 16/02/2022 về hướng dẫn bố trí biên bản, giấy, giá của ban CHQS cấp xã, đơn vị Dân quân tự vệ....

**\* Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

*Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng an ninh*

- Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

+ Đã triển khai công tác tuyên truyền GDQP-AN trên các phương tiện thông tin đại chúng có nhiều chuyên biến tích cực đài phát thanh tích cực tuyên truyền quốc phòng - an ninh, tăng thời lượng; chất lượng được nâng lên, có nhiều đổi mới về tổ chức, phương pháp tuyên truyền, nội dung phong phú, phương pháp đa dạng, tạo sự hấp dẫn đối với các tầng lớp nhân dân; Công tác tuyên truyền còn được lồng ghép thông qua hoạt động nhân các ngày kỷ niệm của đất nước, địa phương; Thông qua hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ về tình yêu quê hương, đất nước, biển đảo, trách nhiệm của thanh niên, trước nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

+ Bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm đã xây dựng kế hoạch đúng quy định như:

+ Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 về việc Ban hành Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 trên địa bàn xã Phước Sơn năm 2023;

+ Kế hoạch số: 01/KH-HĐGDQP - AN ngày 08 tháng 6 năm 2022 của HĐGDQP - AN xã về việc Mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 cấp xã năm 2022, đã được HĐGDQP-AN huyện phê duyệt ngày 15/6/2022;

+ Đã tổ chức thống kê cử và thực hiện bồi dưỡng trong năm: tham gia bồi dưỡng đối tượng 3: 02 đ/c; đối tượng 4 cấp huyện: 11 đ/c; Tham mưu triệu tập đối tượng 4 cấp xã và tổ chức bồi dưỡng đối tượng 4 cấp xã 50/70 đ/c được triệu tập theo Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

*Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân:*

a) Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; Đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Đã tổ chức luân phiên, kết nạp mới đúng quy định, tổng số biên chế 126 đ/c; Ban CHQS xã 04 đ/c; DQCD huyện 28 đ/c; DQCD 28 đ/c; DQBC: 18 đ/c; DQTC: 48 đ/c. Bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; công tác bảo đảm quản lý vũ khí trang bị chặt chẽ, biên chế công cụ hỗ trợ hợp lý tu công cụ hỗ trợ bố trí theo quy định.

- Công tác huấn luyện hằng năm được tổ chức triển khai có hiệu quả; bảo đảm huấn luyện đầy đủ nội dung; đã ban hành Kế hoạch số 01, 02/KH-BCH Ngày 25/4/2022 của Ban CHQS xã về việc Huấn luyện lực lượng dân quân xã năm 2022. Bảo đảm công tác chuẩn bị Giáo án, nội dung chương trình huấn luyện đảm bảo.

b) Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

Đến nay Chi bộ quân sự xã có 20 đảng viên trong đó chính thức 18 đảng viên; 02 đảng viên dự bị.

c) Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 18% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiêu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động, dân quân biên là đảng viên. (Đảng viên mới trong dân quân 19 đ/c đạt 29,23%: Thôn đội trưởng: Đảng viên; Trung đội trưởng DQCD: Đảng viên). Năm 2022 đã kết nạp 02 Đảng viên mới.

d) Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. (Tổ chức huấn luyện bảo đảm nội dung chương trình, giáo án, bài giảng đảm bảo thời gian.)

đ) Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đã xây dựng kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu thường xuyên; xây dựng Kế hoạch trực các ngày lễ, tết, các ngày diễn ra sự kiện của đất nước, địa phương trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt; công tác phân ca trực đảm bảo;

e) Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác: Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

Có tổ chức phối hợp cùng Công an, kiểm lâm phụ trách địa bàn ban hành Quy chế số 02/QCPH-QS-CA-KLDB ngày 01/4/2022 về việc Phối hợp giữa Ban CHQS xã với Công an xã, Kiểm lâm địa bàn trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP và Kế hoạch số 03/KHPH-QS-CA-KLDB ngày 25/4/2022 về việc hoạt động phối hợp của Ban CHQS xã Phước Sơn với Công an xã Phước Sơn và Kiểm lâm địa bàn huyện Tuy Phước năm 2022 (đã được UBND xã Phê duyệt). Phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 01/QCPHLN-CA-QS-BP ngày 20/9/2020 về việc phối hợp giữa Công an xã, Ban CHQS xã và đội công tác Biên phòng xã Phước Sơn trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH và nhiệm vụ quốc phòng Nghị định số 03/2019 NĐ-CP và đã trình UBND xã ra Quyết định 320/QĐ-UBND ngày 20/9/2020 phê duyệt Quy chế. Hằng năm được kiện toàn kế hoạch phối hợp theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định đạt hiệu quả bảo đảm ANCT-TTATXH.; Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ban hành quy chế phối hợp.

Hàng tháng, quý, năm có tổ chức giao ban, sơ, tổng kết theo quy định.

g) Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (tối thiểu 01 trung đội dân quân cơ động); tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn.

Hàng năm đều tham mưu UBND xã kiện toàn đội xung kích phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn đảm bảo thực hiện nhiệm vụ: Quyết định số 2213/QĐ-UBND của UBND xã ngày 12/09/2022 về việc kiện toàn Đội xung kích phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự xã Phước Sơn năm 2022

h) Hàng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao Quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật.

Hàng năm đều kiện toàn bổ sung công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện NVQS; đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân rộng rãi theo quy định;

Hàng năm đã tham mưu UBND xã ban hành Quyết định hoàn thành Nghĩa vụ tham gia DQTV và Quyết định công nhận tham gia Nghĩa vụ tham gia DQTV (tổ chức xét duyệt đúng trình tự luân phiên đúng quy định)

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên*

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng đông viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Hàng năm công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được tiến hành chặt chẽ. Công tác huy động huấn luyện hàng năm bảo đảm theo quyết định giao chỉ tiêu của trên. (Có thống cơ quản lý: tiếp tục bổ sung hàng năm)

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh*

a) Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

- Đã tổ chức Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ đúng quy định.

- Hàng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật

b) Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Quốc phòng. (Đăng ký tại huyện) trong năm 2022 đã xác minh 02 trường hợp.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo*

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên, chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương. Thực hiện tốt, không có vấn đề khiếu nại tố cáo trên địa bàn

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng*

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng*

a) Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cử thành viên tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng. (có tổ chức triển khai, Đồng chí chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng và đồng chí chính trị viên phó tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”).)

b) Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên. (Tổ chức rà soát khen thưởng hằng năm về nhiệm vụ quốc phòng quân sự.)

**\* Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả**

**Nội dung 01:** Đạt các nội dung 1,2,3,5,7,8 điểm a khoản 1 của Hướng dẫn số 1759/HD-CAT-PV05, cụ thể:

*Hằng năm, Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ.*

- Hằng năm, Công an xã thường xuyên tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH và tăng cường công tác phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ trên địa bàn xã, tiêu biểu một số văn bản như:

+ Nghị quyết số 20-NQ/ĐU ngày 11/01/2021 của Đảng ủy xã Phước Sơn về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội năm 2021.

+ Nghị quyết số 49-NQ/ĐU ngày 04/01/2022 của Đảng ủy xã Phước Sơn về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội năm 2022.

+ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 20/02/2021 của UBND xã Phước Sơn về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/ĐU ngày 11/01/2021 của Đảng ủy xã về công tác đảm bảo an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội năm 2021.

+ Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 01/02/2022 của UBND xã Phước Sơn về đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2022.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.*

*Trong đó, quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124 như sau:*

*a) Hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;*

*b) Hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng;*

*c) Tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật;*

*d) Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự;*

*đ) Hoạt động ly khai, đòi tự trị.*

Công an xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Hiện tại, trên địa bàn xã Phước Sơn không xảy ra các hoạt động phá hoại mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh, trật tự.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật:*

*+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.*

*+ Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để*

*tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.*

Công an xã thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm soát nắm tình hình địa bàn; Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân; chủ động phát hiện những mâu thuẫn và giải quyết ngay từ cơ sở, không để sự việc diễn biến phức tạp và hình thành “điểm nóng”, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật gây ảnh hưởng đến ANTT.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng).*

- Trong năm 2022, số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn xã cơ bản được kiểm chế. Cụ thể:

+ Về phạm pháp hình sự: Xảy ra 03 vụ, gồm: 01 vụ “Giết người, cướp tài sản”, 02 vụ “Cố ý gây thương tích”. So với cùng kỳ năm 2019 (xảy ra 04 vụ, gồm: 02 vụ “Cướp giật tài sản”, 01 vụ “Trộm cắp tài sản”; 01 vụ “Cố ý làm hư hỏng tài sản”), giảm 01 vụ (giảm 25%).

+ Về tệ nạn xã hội: Xảy ra 09 vụ, gồm: 06 vụ “Đánh bạc”; 03 vụ “Tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy”. So với cùng kỳ năm 2019 (xảy ra 07 vụ “Đánh bạc”; 03 vụ “Tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy”), giảm 01 vụ (giảm 10%).

+ Về tai nạn giao thông: Xảy ra 01 vụ, chết 01 người. So với cùng kỳ năm 2019, không tăng, không giảm về số vụ, số người chết.

+ Về tình hình cháy, nổ: Không xảy ra. So với cùng kỳ năm 2019, giảm 03 vụ.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (trừ các xã có đường biên giới quốc gia đất liền, xã đảo).*

Căn cứ Quyết định số 7901/QĐ-UBND, ngày 15/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc công nhận xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” và phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện năm 2022, xã Phước Sơn được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”, do đó không thuộc diện xã phức tạp về an ninh, trật tự.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên (đối với những nơi đủ điều kiện để bình xét danh hiệu thi đua), không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật.*

- Ngày 22/10/2022, Công an huyện tổ chức Hội nghị “Tổng kết phong trào thi đua vì ANTQ” năm 2022 qua đó đánh giá kết quả thực hiện của Công an các xã, thị trấn và tập thể tham dự Hội nghị đã tiến hành suy tôn các danh hiệu thi đua “Vì ANTQ” năm 2022. Kết quả, tập thể Công an xã Phước Sơn được suy tôn đề nghị danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”. Đồng thời, trong năm CBCS Công an xã đều hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có đồng chí nào vi phạm dẫn đến bị xử lý kỷ luật.

- Ngày 10/11/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn ban hành Công văn số 221/CV-UBND về việc đánh giá thành tích của lực lượng Công an xã bán chuyên trách, qua đó 14/14 đ/c đều đảm bảo điều kiện phân loại hoàn thành nhiệm vụ.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**Nội dung 02:** Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng).

Căn cứ theo Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, qua thẩm định trong năm 2022 địa bàn xã Phước Sơn xảy ra 03 vụ phạm pháp hình sự nêu trên với mức độ rất nghiêm trọng do công dân cư trú trên địa bàn thực hiện, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Xét thấy các vụ án nói trên đang trong giai đoạn điều tra, bị can là công dân cư trú trên địa bàn chưa bị đề nghị truy tố nên tại thời điểm thẩm định (ngày 21/11/2022) xã Phước Sơn đảm bảo nội dung này.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**Nội dung 03:** Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Hiện nay, xã Phước Sơn có 11 mô hình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Cụ thể:

- Mô hình “Dòng tộc họ Hồ không có tội phạm và tệ nạn xã hội” tại thôn Vinh Quang 2 xây dựng tháng 4/2013.

- Mô hình “Tự phòng tự quản về ANTT” tại thôn Mỹ Cang xây dựng tháng 07/2015.

- Mô hình “Camera an ninh” xây dựng tháng 6/2017.

- Mô hình “Xóm bình yên, gia đình hòa thuận” tại Xóm 1, thôn Mỹ Trung, Phước Sơn xây dựng tháng 11/2017.

- Mô hình “Trường THPT Nguyễn Diêu không tội phạm và tệ nạn xã hội” tại thôn Phụng Sơn xây dựng tháng 12/2017.

- Mô hình “Tự phòng tự quản về ANTT” tại thôn Lộc Trung, Phước Sơn xây dựng tháng 9/2019.



- Mô hình “Tự phòng tự quản về ANTT” tại thôn Vinh Quang 1, Phước Sơn xây dựng tháng 10/2020.

- Mô hình “Tự phòng tự quản về ANTT” tại thôn Dương Thiện, Phước Sơn xây dựng tháng 11/2020.

- Mô hình “Tự phòng tự quản về ANTT” tại thôn Xuân Phương, Phước Sơn xây dựng tháng 11/2020.

- Mô hình “Khu dân cư an toàn PCCC” tại thôn Phụng Sơn, Phước Sơn xây dựng tháng 3/2022.

- Mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC” tại xóm 1B, thôn Phụng Sơn, Phước Sơn xây dựng tháng 9/2022.

Các mô hình trên được duy trì hoạt động có hiệu quả, nhiều mô hình hoạt động theo hướng xã hội hóa, theo phương châm tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh trật tự tại cơ sở. Bên cạnh đó, mô hình “Camera an ninh” với tổng số 51 mắt được lắp đặt trên địa bàn xã hoạt động như một “nhân chứng sống” đã và đang phục vụ đắc lực trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm; thông qua hệ thống camera an ninh, lực lượng Công an đã kịp thời phát hiện, đấu tranh làm rõ nhiều thủ đoạn tinh vi của các loại tội phạm, giúp thu thập được nhiều chứng cứ xử lý các vụ việc xảy ra trên địa bàn, góp phần ổn định ANTT.

*c. Đánh giá: Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh: Đạt theo yêu cầu.*

## **6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Sơn**

- Tổng kinh phí đã huy động thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao từ năm 2018 đến 2022 trên địa bàn xã là: **191.158 triệu đồng**.

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án đến hết ngày 31/12/2022 là: **191.158 triệu đồng**. Như vậy, đến ngày 31/12/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

## **7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

a) Về phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã:

Tập trung hoàn thành các loại công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Cứng hóa, bê tông xi măng đường giao thông nội đồng; mở rộng, nâng cấp các tuyến giao thông liên thôn, trường học, cơ sở vật chất văn hóa nhằm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế và diện mạo khu vực nông thôn.

b) Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Căn cứ các quy hoạch, đề án do huyện phê duyệt, UBND xã tiến hành bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng xã NTM đảm bảo tính khả thi cao và phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tập trung đầu tư cho chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực phục vụ xuất khẩu và

tiêu dùng lớn trong nước, coi đây là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế sử dụng lao động của doanh nghiệp và địa phương. Chú trọng đào tạo nghề theo các dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn và thông qua các doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với nông dân. Khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo nghề gắn với sử dụng lao động tại doanh nghiệp ở địa bàn nông thôn.

- Tập trung phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả để hỗ trợ cho nông dân. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

c) Về bảo vệ môi trường nông thôn: Tập trung giải quyết vấn đề thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý môi trường trong sản xuất (thuốc bảo vệ thực vật, nước thải chăn nuôi, nước thải làng nghề, khu – cụm công nghiệp...) và xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn “xanh - sạch - đẹp”.

d) Về xây dựng đời sống văn hóa nông thôn: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao thiết thực đối với người dân, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã.

đ) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”. Xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự ở xã, thôn.

e) Nâng cao hiệu quả thông tin, tuyên truyền, đào tạo đội ngũ cán bộ và tăng cường năng lực đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình:

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức cho người dân về nội dung, phương pháp, cách làm NTM nâng cao.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực tổ chức, quản lý thực hiện cho cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ chuyên trách NTM nâng cao ở xã và cán bộ ở thôn.

## **II. KẾT LUẬN**

### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ nông thôn mới nâng cao của xã Phước Sơn đã lập đầy đủ các thủ tục hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Sơn**

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Phước Sơn đã được các ngành của UBND huyện Tuy Phước thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

*(Kèm theo biểu tổng hợp kết quả thẩm tra 19 tiêu chí  
nông thôn mới nâng cao của xã Phước Sơn)*

### **3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Sơn**

- Tổng kinh phí đã huy động thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao từ năm 2018 đến 2022 trên địa bàn xã là: **191.158 triệu đồng**.

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án đến hết ngày 31/12/2022 là: **191.158 triệu đồng**, bao gồm:

- + Ngân sách Trung ương hỗ trợ là: 3.439 triệu đồng, đạt tỷ lệ: 1,79%.
- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ là: 4.443 triệu đồng, đạt tỷ lệ: 2,32%.
- + Ngân sách huyện hỗ trợ là: 19.123 triệu đồng, đạt tỷ lệ: 10,0%.
- + Ngân sách xã cân đối là: 160.097 triệu đồng, đạt tỷ lệ: 83,75%.
- + Các nguồn vốn hợp pháp khác là: 4.056 triệu đồng, đạt tỷ lệ: 2,12%.

- Như vậy, đến ngày 31/12/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

### **III. KIẾN NGHỊ**

UBND huyện Tuy Phước kính đề nghị UBND tỉnh Bình Định và các sở, ngành của tỉnh quan tâm, xem xét tổ chức thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Sơn, để xét và công nhận xã Phước Sơn đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 11/01/2023 của UBND huyện Tuy Phước về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định)./.*

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở NN & PTNT tỉnh;
- VPĐP XD NTM tỉnh;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VPĐP XD NTM huyện;
- UBND xã Phước Sơn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**